

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỪA TIỀN ĐẠT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỪA TIỀN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN DAT COCONUT TRADING  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TIEN DAT COCO TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301128213

**3. Ngày thành lập:** 06/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58, tổ NDTQ số 3, ấp 6, Thị trấn Giồng Trôm, Huyện  
Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0971707877

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ động vật và lâm sản pháp luật cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                          | 4620(Chính)                                                  |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>(trừ bán buôn động vật hoang dã thuộc danh mục cấm)                                                                                                                                                                                                                             | 4632                                                         |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4633                                                         |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ dược phẩm, dụng cụ y tế, súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ)                                                                                                                                                                                                 | 4649                                                         |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vỏ dừa, chỉ xơ dừa, lưới xơ dừa, thảm xơ dừa, băng xơ dừa, dây thừng xơ dừa, mụn dừa.<br>(trừ LPG và dầu nhớt cặn)                                                                                                            | 4669                                                         |
| 6.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ bán lẻ động vật hoang dã thuộc danh mục cấm)                                                                                                                                                                                                 | 4722                                                         |
| 7.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1030                                                         |
| 8.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1040                                                         |
| 9.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1073                                                         |
| 10. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                        | 1079                                                         |
| 11. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                               | 1104                                                         |
| 12. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                              | 1629                                                         |
| 13. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                | 2023                                                         |
| 14. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2030                                                         |
| 15. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4772                                                         |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ<br>(trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở) | 4773                                                         |
| 17. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                         | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 499.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 07/06/1970 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083170014828

Ngày cấp: 26/12/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 347, ấp 4, Xã Bình Hoà, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 347, ấp 4, Xã Bình Hoà, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/06/1970 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083170014828

Ngày cấp: 26/12/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 347, ấp 4, Xã Bình Hoà, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 347, ấp 4, Xã Bình Hoà, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre